

Số: 192/2026/QĐST-VHN&GD

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55; 57; 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 163/2026/TLST-HNGĐ ngày 11/02/2026 về việc yêu cầu thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Anh Trần Anh Đ**, sinh năm: 1998; Địa chỉ: Số A phố N, phường Đ, quận B (Nay là phường B), thành phố Hà Nội.

- **Chị Nông Huyền T**, sinh năm 1998; Địa chỉ: Tổ V, thị trấn V, huyện C (Nay là xã C), tỉnh Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Anh Đ và chị Nông Huyền T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2025 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội – Nay là Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số: 04/2025). Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, cuộc sống chung không có hạnh phúc.

Anh Trần Anh Đ và chị Nông Huyền T khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Anh Trần Anh Đ và chị Nông Huyền T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh Trần Anh Đ và chị Nông Huyền T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Anh Trần Anh Đ và chị Nông Huyền T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Trần Anh Đ và chị Nông Huyền T thống nhất để anh Trần Anh Đ chịu cả 300.000 nghìn đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy các thỏa thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải, đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Anh Đ và chị Nông Huyền T.

- Về con chung: Anh Trần Anh Đ và chị Nông Huyền T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung và nhà ở: Anh Trần Anh Đ và chị Nông Huyền T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Trần Anh Đ và chị Nông Huyền T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của anh Trần Anh Đ và chị Nông Huyền T: Để anh Trần Anh Đ chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh Trần Anh Đ đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004255 ngày 11/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Anh Trần Anh Đ đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 1 – Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Hà Nội;
- Cơ quan nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thuý Hạnh